TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 299/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 19-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị S**, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: tổ 10, khóm LAB, phường LP, thị xã TC, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: tổ 10, ấp PL, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Võ Thị S trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, anh chị được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 06/02/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LP, thị xã TC, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 063/2014, quyển số 1/2014, ngày 17/7/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh H thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện vô cớ, đập phá đồ dùng, vật dụng trong gia

đình. Ngoài ra, chị còn nghi ngời anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, đến tháng 7/2016 sau khi cải vả nhau, anh H bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19/12/2014, hiện đang sống với chị S, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên tòa án không ghi nhận ý kiến của anh H.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị S, anh H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19/12/2014, hiện đang sống với chị S, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét vắng mặt đối với chị S, anh H.

[2] Về hôn nhân: Anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường LP, thị xã TC, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 063/2014, quyển số 1/2014, ngày 17/7/2014 theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh, bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột chị S, bà trình bày: Vợ chồng S, H sống chung nhưng thường xuyên cải

vả, do H hay uống rượu, có hành vi bạo hành gia đình nên S, H không sống chung trên 01 năm nay,... Hội đồng xét xử nhận định: Cuộc sống chung của anh H, chị S không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì anh chị đã ly thân trên 01 năm mà không hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh H là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị S đối với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19/12/2014, hiện đang sống với chị, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng và anh H không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử dành quyền cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Yến N là phù hợp. Tuy nhiên, chị S phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh H đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị S đối với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: chị S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19/12/2014 đến khi cháu thành niên hoặc tự lập được. Chị S phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh H trong việc đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Anh H lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H. Vì lợi ích của con, một hoặc

cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cặp giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012833 ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Anh H không phải chịu án phí.

Anh H, chị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi Nhận* :**
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Chí Keo